

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



LÊ MINH CHƠN

**PHÁP LUẬT VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG,
QUA THỰC TIỄN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2022

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Nguyễn Thị Hồng Trinh**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài	3
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	5
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	5
6. Những đóng góp của luận văn	5
7. Kết cấu luận văn	6
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	6
1.1. Khái quát về đánh giá tác động môi trường	6
1.1.1. Khái niệm về đánh giá tác động môi trường	6
1.1.2. Vai trò của đánh giá tác động môi trường	7
1.2. Khái quát pháp luật về đánh giá tác động môi trường	7
1.2.1. Khái niệm pháp luật về đánh giá tác động môi trường	7
1.2.2. Pháp luật điều chỉnh về đánh giá tác động môi trường	7
1.2.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về đánh giá tác động môi trường	8
1.3. Pháp luật về đánh giá tác động môi trường của một số nước trên thế giới	8
1.3.1. Kinh nghiệm của Trung Quốc	8
1.3.2. Kinh nghiệm của Cộng hòa liên bang Đức	9
Tiểu kết Chương 1	10
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	10
2.1. Thực trạng pháp luật về đánh giá tác động môi trường	10
2.1.1. Quy định chung về lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	10
2.1.2. Quy định về thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	12
2.1.3. Quy định về xử lý vi phạm pháp luật về đánh giá tác động môi trường ..	13
2.1.4. Đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường ở Việt Nam	13
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường ở thành phố Hồ Chí Minh	15
2.2.1. Tổng quan về tình hình kinh tế xã hội của thành phố Hồ Chí Minh	15
2.2.2. Những kết quả đạt được	16
2.2.3. Những khó khăn, hạn chế	17
Tiểu kết Chương 2	18
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	18

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường.....	18
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường.....	19
3.2.1. Ban hành quy định đảm bảo chất lượng của báo cáo đánh giá tác động môi trường	19
3.2.2. Quy định cơ chế đảm bảo sự tham gia của cộng đồng vào quá trình đánh giá tác động môi trường.....	20
3.2.3. Quy định rõ trách nhiệm đối với chủ thể tham gia vào việc lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	20
3.2.4. Cho phép doanh nghiệp được quyền lựa chọn tổ chức dịch vụ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	21
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường.....	21
3.3.1. Nhóm giải pháp chung	21
3.3.2. Nhóm giải pháp cho Thành phố Hồ Chí Minh.....	22
Tiêu kết Chương 3	23
KẾT LUẬN	24
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã và đang diễn ra nhanh chóng và đạt được những thành tựu to lớn trên nhiều lĩnh vực. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội mà không tổn hại tới môi trường sống của con người; để đạt tới sự hài hòa, bền vững giữa phát triển sản xuất và môi trường thiên nhiên. Để đáp ứng yêu cầu cấp thiết đó, Việt Nam đã và đang tiệm cận các chính sách phát triển, sử dụng tổng hợp các công cụ như hệ thống pháp luật, công cụ kinh tế (thuế, phí, ký quỹ), chế tài (hành chính, hình sự), các quy chuẩn về môi trường, các công cụ như đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và trong thời gian tới sẽ là quy hoạch bảo vệ môi trường. Đối với công tác đánh giá tác động môi trường, các quy định pháp luật đã được hình thành, phát triển và có sự điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế ở Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh cả nước đẩy mạnh chính sách mở cửa, khuyến khích đầu tư phát triển để thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiệm vụ đặt ra cho công tác đánh giá tác động môi trường là tạo sự thông thoáng cho môi trường đầu tư nhưng vẫn đảm bảo các yêu cầu của công tác bảo vệ môi trường. Trong thời gian qua, công tác đánh giá tác động môi trường đã đạt được những kết quả quan trọng. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn nhiều vấn đề cần được nghiên cứu, thảo luận rộng rãi nhằm đáp ứng các yêu cầu trong tình hình mới của Việt Nam.

Hiện nay, tại Việt Nam, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về đánh giá tác động môi trường đã được hoàn thiện với Luật, Nghị định và Thông tư hướng dẫn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các loại hình dự án đầu tư khác nhau. Bên cạnh đó, Chính phủ đã hình thành bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ Trung ương cho đến địa phương. Ngoài Bộ TN&MT, UBND cấp Thành phố, các Bộ/ngành khác và Ban quản lý các khu công nghiệp cũng có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Theo kết quả điều tra chưa đầy đủ, từ khi Nghị định số 29/2011/NĐ-CP có hiệu lực cho đến nay (hiện đang áp dụng Nghị định số 18/2015/NĐ-CP), cả nước có khoảng 7.000 báo cáo đánh giá tác động môi trường và 2.500 Đề án bảo vệ môi trường chi tiết (áp dụng đối với dự án đã đi vào vận hành nhưng chưa có đánh giá tác động môi trường) đã được thẩm định, phê duyệt. Trong những năm gần đây, trung bình mỗi năm Bộ TN&MT đã thẩm định khoảng 200 - 250 báo cáo đánh giá tác động môi trường; ở cấp Thành phố, số liệu này rất khác nhau, tính trung bình trên toàn quốc mỗi địa phương là 33 - 35 báo cáo đánh giá tác động môi trường; các Bộ/ngành thẩm định rất ít từ 1 - 30 báo cáo đánh giá tác động môi trường, riêng Bộ Giao thông vận tải thẩm định khoảng 70 báo cáo mỗi năm. Tuy nhiên, đến nay chưa có số liệu cụ thể về các đơn vị tư vấn đánh giá tác động môi trường, ước tính khoảng gần 1.000 tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ đánh giá tác động môi trường trên phạm vi cả nước. Ngoài ra, Việt Nam cũng chưa áp dụng hệ thống cấp Chứng chỉ hành nghề tư vấn đánh giá tác động môi trường.

Đánh giá môi trường giúp chúng ta xem xét nhiều vấn đề quan trọng, đặc biệt là công nghệ xử lý chất thải, giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường và

giám sát môi trường. Đánh giá môi trường có thể được tiến hành theo nhiều phương án thực hiện dự án, hoạt động phát triển, với những so sánh về lợi hại của các tác động theo những phương án đó, trên cơ sở đó kiến nghị việc lựa chọn một phương án phù hợp cả yêu cầu phát triển và bảo vệ môi trường. Chính vì thế, đánh giá môi trường góp phần giảm thiểu, hạn chế các tác động tiêu cực của dự án, hoạt động phát triển tới môi trường. Điều này càng có ý nghĩa hơn trong trường hợp thực hiện Đánh giá môi trường chiến lược sẽ góp phần hạn chế các tác động tiêu cực trên diện rộng do đặc thù của các chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch có phạm vi tác động rộng lớn, trong nhiều trường hợp có phạm vi là toàn bộ đất nước, do đó sẽ giúp tiết kiệm được rất nhiều thời gian và chi phí khắc phục hậu quả của những quyết định sai lầm. Đánh giá môi trường góp phần ràng buộc trách nhiệm pháp lý của các chủ dự án, các cơ sở. Một trong những nội dung quan trọng của quá trình đánh giá môi trường đó là hoạt động giám sát sau dự án. Hoạt động này giúp cho cơ quan có thẩm quyền xem xét hoạt động của các cơ sở có vi phạm những gì mà họ đã cam kết trong báo cáo đánh giá môi trường đã được xét duyệt hay không.

Về cơ chế tài chính, hiện chưa có quy định về kinh phí thực hiện đánh giá tác động môi trường do tính đa dạng về loại hình dự án, quy mô, công suất, địa điểm thực hiện... Đối với phí thẩm định các báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Bộ Tài chính đã có Thông tư số 218/2010/TT-BTC ngày 29/12/2010 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định đánh giá tác động môi trường. Theo Thông tư này, mức thu phí thẩm định đối với 1 báo cáo đánh giá tác động môi trường dao động từ 6 - 96 triệu đồng, tùy thuộc vào tổng vốn đầu tư và loại hình dự án. Đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định của UBND cấp Thành phố, việc tổ chức thu phí được thực hiện trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp Thành phố và Thông tư số 2/2014/TT-BTC ngày 2/1/2014 của Liên Bộ Tài chính - Bộ TN&MT hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố, TP trực thuộc Trung ương. Với mức thu phí từ 5 - 26 triệu đồng trên 1 báo cáo đánh giá tác động môi trường, các địa phương sẽ có điều kiện thuận lợi hơn so với trước đây trong việc tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã và đang diễn ra nhanh chóng và đạt được những thành tựu to lớn trên nhiều lĩnh vực. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội mà không tổn hại tới môi trường sống của con người; để đạt tới sự hài hòa, bền vững giữa phát triển sản xuất và môi trường thiên nhiên. Để đáp ứng yêu cầu cấp thiết đó, Việt Nam đã và đang tiệm cận các chính sách phát triển, sử dụng tổng hợp các công cụ như hệ thống pháp luật, công cụ kinh tế (thuế, phí, ký quỹ), chế tài (hành chính, hình sự), các quy chuẩn về môi trường, các công cụ như đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC), đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và trong thời gian tới sẽ là quy hoạch BVMT.

Đối với công tác ĐTM, các quy định pháp luật đã được hình thành, phát triển và có sự điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế ở Việt Nam,

đặc biệt trong bối cảnh cả nước đẩy mạnh chính sách mở cửa, khuyến khích đầu tư phát triển để thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiệm vụ đặt ra cho công tác ĐTM là tạo sự thông thoáng cho môi trường đầu tư nhưng vẫn đảm bảo các yêu cầu của công tác BVMT. Trong thời gian qua, công tác ĐTM đã đạt được những kết quả quan trọng. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn nhiều vấn đề cần được nghiên cứu, thảo luận rộng rãi nhằm đáp ứng các yêu cầu trong tình hình mới của Việt Nam.

Trong nhiều năm qua, cùng với quá trình đổi mới, phát triển, Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung đã huy động nhiều nguồn lực trong xã hội để tập trung thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định nhưng tình trạng ô nhiễm vẫn có chiều hướng gia tăng, thậm chí có nơi xảy ra với mức độ nghiêm trọng, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế và sức khỏe, đời sống nhân dân. Thành phố Hồ Chí Minh phải tiêu tốn hàng nghìn tỷ đồng ngân sách để khắc phục những vấn đề ô nhiễm môi trường mỗi năm nhưng không được triệt để. Vấn đề ô nhiễm môi trường tại thành phố đang ở mức báo động với nhiều loại ô nhiễm khác nhau như ô nhiễm tầng nước mặt, ô nhiễm không khí, tiếng ồn, ánh sáng,...

Chính vì lý do đó nên tác giả lựa chọn đề tài "***Pháp luật về đánh giá tác động môi trường, qua thực tiễn tại Thành phố Hồ Chí Minh***" để thực hiện nghiên cứu trong nội dung của luận văn luật kinh tế.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Trong quá trình xây dựng và thực thi pháp luật về đánh giá tác động môi trường ở Việt Nam, vấn đề pháp lý về đánh giá tác động môi trường được đánh giá là nội dung quan trọng trong việc bảo vệ môi trường. Hiện nay, có những công trình trong nước nghiên cứu về các vấn đề pháp lý liên quan đến pháp luật về đánh giá tác động môi trường như sau:

Nguyễn Trương Nguyệt Sương (2019), "*Pháp luật về đánh giá tác động môi trường qua thực tiễn thi hành tại thành phố Đà Nẵng*", Luận văn thạc sĩ luật kinh tế, Trường Đại học Luật, Đại học Huế. Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật trong công tác đánh giá môi trường tại Đà Nẵng, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về đánh giá môi trường nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Luận văn chủ yếu tập trung nghiên cứu các quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2014 và một số văn bản dưới luật về đánh giá môi trường áp dụng thực tiễn tại Đà Nẵng. Ngoài ra, tác giả cũng tham khảo nội dung các quy định pháp luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam và quốc tế có liên quan đến đánh giá tác động môi trường.

Nguyễn Ánh Tuyên (2017), "*Pháp luật về đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư và thực tiễn áp dụng tại Thành phố Quảng Bình*", Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn nghiên cứu các vấn đề lý luận về đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư, qua việc đánh giá thực trạng áp dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh để phát hiện những hạn chế, vướng mắc của pháp luật về đánh giá tác động môi trường.

Phạm Thanh Sơn (2017), "*Pháp luật Việt Nam về đánh giá tác động môi trường*", Luận văn thạc sĩ luật kinh tế, Viện Đại học Mở Hà Nội. Luận văn đề cập đến các vấn đề lý luận cũng như các quy định của pháp luật về đánh giá tác

động môi trường. Luận văn hệ thống hóa lại các vấn đề lý luận về đánh giá tác động môi trường, đánh giá các quy định pháp luật về đánh giá tác động môi trường để tìm ra những ưu điểm, bất cập hạn chế và đề ra những giải pháp hoàn thiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường ở Việt Nam.

Lê Thanh Tùng (2013), “*Pháp luật về đánh giá tác động môi trường trong hoạt động đầu tư ở Việt Nam*”, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn chủ yếu tập trung nghiên cứu các quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2005 và một số văn bản dưới luật về đánh giá tác động môi trường đối với hoạt động đầu tư. Ngoài ra, tác giả cũng tham khảo nội dung các quy định pháp luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam và quốc tế có liên quan đến đánh giá tác động môi trường.

Chu Thế Huyền (2013), “*Hoàn thiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường ở Việt Nam hiện nay*”, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội. Luận văn nghiên cứu các vấn đề lý luận pháp luật về đánh giá tác động môi trường, thực trạng pháp luật về đánh giá tác động môi trường. Từ đó, luận văn đề xuất khắc phục, hoàn thiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường ở Việt Nam.

Luận văn kế thừa các nghiên cứu lý luận và thực tiễn của các công trình nghiên cứu về pháp luật bảo vệ môi trường nói chung và pháp luật về đánh giá tác động môi trường nói riêng. Luận văn kế thừa nền tảng lý luận pháp luật về đánh giá tác động môi trường, trên cơ sở phân tích thực trạng các quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn thi hành để tìm ra những bất cập, nguyên nhân của những bất cập nhằm tới việc kiến nghị hoàn thiện lĩnh vực pháp luật này cả về phương diện lập pháp, tư pháp và thực hành. Luận văn được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu của bản thân kết hợp tham khảo thông tin tại các nguồn sách, báo, thông tin trên mạng internet.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu đưa ra các nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và thực hiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường trên cơ sở luận giải từ việc đánh giá thực trạng pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng liên quan đến vấn đề này ở Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu trên thì yêu cầu đề tài phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Phân tích làm rõ một số vấn đề lý luận của pháp luật như khái niệm đánh giá tác động môi trường, khái quát pháp luật về đánh giá tác động môi trường.

- Đánh giá thực trạng của pháp luật Việt Nam về đánh giá tác động môi trường; qua đó tìm ra các ưu điểm và hạn chế để làm cơ sở cho việc đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng trong việc thực hiện các quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020;

- Đánh giá thực trạng đánh giá tác động môi trường ở nước ta trong thời gian qua và thực hiện các quy định của Luật bảo vệ môi trường 2020 trong thời gian tới;

- Đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường ở Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận pháp luật về đánh giá tác động môi trường theo pháp luật Việt Nam.

- Pháp luật về đánh giá tác động môi trường ở Việt Nam.

- Thực tiễn thực hiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường ở Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung:

Luận văn nghiên cứu pháp luật Việt Nam về đánh giá tác động môi trường qua thực tiễn tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về không gian: Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về thời gian nghiên cứu: Từ năm 2014 đến 2021.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ môi trường và quan điểm của Đảng, Nhà nước về bảo vệ môi trường, trong đó có đánh giá tác động môi trường.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu và trình bày, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau bao gồm:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng trong tất cả các chương của luận văn để phân tích các khái niệm, phân tích quy định của pháp luật, các số liệu được sử dụng trong toàn bộ luận văn.

- Phương pháp so sánh: Được sử dụng trong luận văn để so sánh một số quy định của pháp luật trong các văn bản khác nhau, được sử dụng chủ yếu ở Chương 2 luận văn.

- Phương pháp nghiên cứu điển hình: Sử dụng nghiên cứu phân tích việc áp dụng pháp luật. Qua nghiên cứu, chỉ ra những hạn chế trong áp dụng pháp luật, được sử dụng ở Chương 2 luận văn.

- Phương pháp hệ thống hóa pháp luật: sử dụng hệ thống các văn bản pháp luật về đánh giá tác động môi trường được sử dụng chủ yếu ở Chương 1 và Chương 2 luận văn.

Ngoài ra, luận văn còn sử dụng những phương pháp nghiên cứu khác: phương pháp thống kê, phương pháp bình luận,...

6. Những đóng góp của luận văn

6.1. Về lý luận

- Luận văn đã xây dựng một số khái niệm, đặc điểm, pháp luật điều chỉnh về đánh giá tác động môi trường.

- Đã đưa ra một số nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và thực hiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường.

6.2. Về thực tiễn

- Luận văn đánh giá các quy định pháp luật hiện hành, nghiên cứu thực tiễn áp dụng, chỉ ra những vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật về đánh giá tác động môi trường.

Những đóng góp của luận văn là cơ sở cho các cơ quan áp dụng pháp luật, cơ quan nghiên cứu và cơ quan xây dựng pháp luật tham khảo trên thực tiễn.

7. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo. Nội dung đề tài gồm 3 chương sau:

Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1.1. Khái quát về đánh giá tác động môi trường

1.1.1. Khái niệm về đánh giá tác động môi trường

Luật BVMT năm 2005 đã đưa ra định nghĩa khá ngắn gọn về ĐTM: “ĐTM là việc phân tích, dự báo các tác động đến môi trường của dự án đầu tư cụ thể để đưa ra các biện pháp BVMT khi triển khai dự án đó” (khoản 20 Điều 3). Như vậy, định nghĩa này của Việt Nam đã cân nhắc đến những đặc tính pháp lý cơ bản của những khái niệm tương ứng được sử dụng rộng rãi trên thế giới.

Theo quy định tại Luật Bảo vệ Môi trường 2014, việc *đánh giá tác động môi trường* phải thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị dự án (Khoản 2 Điều 19). Đánh giá tác động môi trường là việc phân tích, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu tư cụ thể để đưa ra biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường ĐTM là cơ sở để doanh nghiệp biết rõ hơn về tình trạng chất lượng môi trường của doanh nghiệp. Để từ đó có thể đề ra những biện pháp giảm thiểu ô nhiễm hiệu quả, nhằm đạt các Tiêu chuẩn môi trường theo quy định. ĐTM có thể tiết kiệm được thời gian và tiền của trong thời hạn phát triển lâu dài. Qua các nhân tố môi trường tổng hợp, được xem xét đến trong quá trình ra quyết định ở giai đoạn quy hoạch của các cơ sở, địa phương và Chính phủ sẽ tránh được những chi phí không cần thiết, tránh được những hoạt động sai lầm mà hậu quả của nó phải khắc phục một cách rất tốn kém trong tương lai.

Có thể thấy, việc đưa ra các loại hoạt động phải đánh giá môi trường khác nhau là một bước tiến quan trọng đối với khung pháp lý về ĐTM ở Việt Nam. Theo đó, tùy từng loại dự án mà trách nhiệm lập báo cáo ĐTM cũng như yêu

cầu đối với nội dung, quy trình thẩm định báo cáo ĐTM được xác định một cách cụ thể, phù hợp với tính chất và mức độ tác động đến môi trường của loại dự án đó. Điều 3 khoản 7 Luật bảo vệ môi trường 2020 quy định đánh giá tác động môi trường là quá trình phân tích, đánh giá, nhận dạng, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu tư và đưa ra biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

1.1.2. Vai trò của đánh giá tác động môi trường

Đánh giá tác động môi trường đóng vai trò quan trọng đối với môi dự án của doanh nghiệp. Trong đó, người ta phải kể đến hai vai trò quan trọng của mỗi báo cáo đánh giá tác động môi trường này.

Trước hết, đây được cho là công cụ quản lý môi trường quan trọng trong xã hội. Nó giúp các công tác quy hoạch môi trường được diễn ra hiệu quả cơ, giúp các dự án sớm thực thi, giảm thiểu tình trạng gây ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường trong thời gian dài.

Thứ hai, ĐTM giúp huy động được sự đóng góp của đông đảo tầng lớp trong xã hội, giúp bảo vệ môi trường trong thời gian dài. Từ đó, nó góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của các cơ quan quản lý, của chủ dự án và của toàn dân đối với việc bảo vệ môi trường. ĐTM cũng phát huy được tính công khai của việc thu thập thông tin, khảo sát, thực nghiệm, đánh giá nhằm thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường hiệu quả. Trên cơ sở đó, nâng cao ý thức của cộng đồng trong việc tham gia ĐTM giúp doanh nghiệp.

1.2. Khái quát pháp luật về đánh giá tác động môi trường

1.2.1. Khái niệm pháp luật về đánh giá tác động môi trường

Pháp luật với tư cách là công cụ điều tiết các hành vi của thành viên trong xã hội nên có tác dụng rất lớn trong việc BVMT. Pháp luật quy định những quy tắc xử sự mà các chủ đầu tư phải thực hiện khi thực hiện các hoạt động đầu tư.

Việc tuân thủ nghiêm ngặt các cam kết này sẽ đem lại hiệu quả cao trong việc BVMT. Trong trường hợp này "quy tắc xử sự" chính là những biện pháp BVMT của các chủ dự án đầu tư. Các quy định này sẽ là cơ sở để xác định mức độ sai phạm của chủ dự án khi triển khai thực hiện dự án đầu tư. Những quy định này cũng sẽ là cơ sở pháp lý để xác định hành vi vi phạm pháp luật về ĐTM trong hoạt động đầu tư, là cơ sở để áp dụng trách nhiệm pháp lý đối với các dự án có hành vi vi phạm quy định của pháp luật. Nếu các chủ dự án thực hiện đúng những cam kết của mình, theo đúng quy định của pháp luật thì sẽ hạn chế được những tác hại, ngăn chặn được sự ô nhiễm và suy thoái môi trường.

1.2.2. Pháp luật điều chỉnh về đánh giá tác động môi trường

Nghị định số 18/2015/NĐ - CP ban hành ngày 14/02/2015, quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường ĐTM, kế hoạch bảo vệ môi trường và tiếp tục được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 40/2019/NĐ - CP quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường. Việc xử lý vi phạm pháp luật về đánh giá tác động môi trường được quy định tại Điều 9 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP và được sửa

đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ - CP (có hiệu lực từ ngày 10/7/2021).

Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực từ ngày 1/1/2021. Chính phủ cũng ban hành Nghị định số 54/2021/NĐ-CP quy định chi tiết về đánh giá sơ bộ tác động môi trường. Nghị định áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đầu tư xây dựng và hoạt động cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, trừ trường hợp cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo yêu cầu của nhà đầu tư.

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường. Nghị định quy định cụ thể về bảo vệ các thành phần môi trường (nước, không khí, đất) và di sản thiên nhiên, trong đó, nêu rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân trong bảo vệ môi trường đất.

1.2.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về đánh giá tác động môi trường

Việc xác định đối tượng phải lập báo cáo ĐTM được coi là giai đoạn sàng lọc của quá trình ĐTM. Các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam đã đưa ra một cách tương đối rõ ràng danh mục các dự án cần phải tiến hành ĐTM.

Đánh giá tác động môi trường là việc phân tích, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu tư cụ thể để đưa ra biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó... Để từ đó có thể đề ra những biện pháp giảm thiểu ô nhiễm hiệu quả, nhằm đạt các Tiêu chuẩn môi trường theo quy định.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường là kết quả của quá trình đánh giá tác động môi trường. Theo đó, nội dung của báo cáo này cần chính xác, minh bạch, thể hiện được tầm nhìn tác động để có thể đưa ra các phương án xử lý một cách có hiệu quả nhất. Báo cáo đánh giá thể hiện sự nghiêm túc, khách quan trong suốt quá trình điều tra và phân tích dữ liệu thông tin.

Lập và trình phê duyệt Báo cáo ĐTM là nghĩa vụ quan trọng nhất của chủ đầu tư trước khi dự án được chấp thuận và đi vào thực hiện. Bởi vì, ĐTM là một trong những công cụ quan trọng giúp BVMT được tốt hơn và hạn chế các tác động xấu đến môi trường của chính dự án do chủ đầu tư thực hiện. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thẩm định, kiểm duyệt các biện pháp BVMT trong báo cáo ĐTM trước khi dự án được phê duyệt.

Cơ sở pháp lý điều chỉnh việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường ĐTM là Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và sắp tới từ ngày 01/01/2022 sẽ được thay thế bởi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Nghị định số 18/2015/NĐ - CP ban hành ngày 14/02/2015, quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường ĐTM, kế hoạch bảo vệ môi trường và tiếp tục được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 40/2019/NĐ - CP quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường.

1.3. Pháp luật về đánh giá tác động môi trường của một số nước trên thế giới

1.3.1. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Trong những năm gần đây, công tác BVMT của Trung Quốc đã có nhiều tiến bộ vượt bậc, đặc biệt là đã ban hành được một hệ thống văn bản pháp luật

về BVMT “đồ sộ”, trong đó có Luật ĐTM. Luật này được thông qua ngày 28/10/2002 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2003. Đây là một văn bản khá hoàn chỉnh quy định về công tác ĐTM bao gồm 5 chương, 38 điều. Các quy định của Luật này mang “hơi thở” của thời đại và có nhiều điểm tiến bộ mà Việt Nam có thể nghiên cứu, tham khảo.

Tại Điều 3 Luật ĐTM đã quy định:

“Khi xây dựng các chương trình quy định tại Điều 9 của Luật này hoặc xây dựng dự án đầu tư trong phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa hoặc trong các vùng biên thuộc chủ quyền của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa phải tiến hành ĐTM theo quy định của Luật này”.

Như vậy, tất cả các dự án đầu tư thực hiện trên lãnh thổ hoặc vùng biên của Trung Quốc đều phải thực hiện ĐTM. Tuy nhiên, căn cứ vào mức độ ảnh hưởng tới môi trường mà có thể ĐTM ở các cấp độ khác nhau như tại Điều 16 của Luật ĐTM quy định:

“Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có trách nhiệm phân loại các dự án đầu tư theo mức độ ảnh hưởng tới môi trường khi dự án được thực hiện. Chủ đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo ĐTM, các hình thức báo cáo, mẫu đăng ký ĐTM theo nguyên tắc sau:

a. Nếu dự án ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường thì chủ đầu tư phải lập báo cáo ĐTM đầy đủ.

b. Nếu dự án ảnh hưởng ít nghiêm trọng tới môi trường thì chủ đầu tư phải xây dựng một chương về ĐTM trong hồ sơ trình thẩm định.

c. Nếu dự án ít ảnh hưởng đến môi trường thì chủ đầu tư không phải lập báo cáo ĐTM nhưng phải đăng ký ĐTM theo mẫu quy định.

Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường chịu trách nhiệm lập Danh mục dự án phải lập loại ĐTM nào”.

1.3.2. Kinh nghiệm của Cộng hòa liên bang Đức

Cộng hòa liên bang Đức là một trong những nước đưa ra chính sách mạnh mẽ nhất trên thế giới nhằm BVMT, trong đó có việc ban hành các đạo luật về môi trường. Với 3 phần, 2 phụ lục và 25 điều Bộ luật ĐTM của Đức đã được nhiều chuyên gia về pháp luật và môi trường trên thế giới đánh giá cao.

Theo quy định của Bộ luật này thì chủ đầu tư khi tiến hành các hoạt động đầu tư phải lập báo cáo ĐTM với 2 bước cơ bản. Bước đầu tiên là lập báo cáo ĐTM sơ bộ được thực hiện ngay từ khi có ý tưởng dự án để nhà đầu tư lựa chọn địa điểm thực hiện dự án. Trong giai đoạn này báo cáo ĐTM chỉ cần có những thông số rất đơn giản để nhà đầu tư so sánh, lựa chọn địa điểm đầu tư phù hợp nhất.

Như vậy, qua phân tích ở trên ta thấy Bộ luật ĐTM của Đức đã quy định rất chặt chẽ về quy trình lập, nội dung, thủ tục phê duyệt báo cáo ĐTM... đặc biệt là các thủ tục phải xin ý kiến của cộng đồng khi thực hiện dự án. Điều này đã góp phần tăng cường công tác BVMT của Đức và hiện Đức được đánh giá là một trong những nước có môi trường trong lành nhất thế giới.

Tiểu kết Chương 1

Đánh giá tác động môi trường ĐTM là việc phân tích, dự báo các tác động của dự án đầu tư đến môi trường để đưa ra biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó. Việc lập đánh giá tác động môi trường ĐTM là cơ sở để doanh nghiệp biết rõ hơn về hiện trạng chất lượng môi trường của mình từ đó có thể đề ra các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm hiệu quả nhằm đạt các Tiêu chuẩn môi trường theo quy định. Hơn nữa kết quả giám sát chất lượng môi trường sẽ là cơ sở để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường đánh giá về công tác bảo vệ môi trường. Mục đích của việc lập đánh giá tác động môi trường ĐTM để biết được tầm ảnh hưởng của dự án đến môi trường xung quanh so với mức tiêu chuẩn quy định, từ đó thẩm định xem có cấp quyết định phê duyệt dự án hay không. Ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp, tạo sự chủ động trong vấn đề bảo vệ môi trường nơi hoạt động của dự án. Hợp thức hóa quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Phát triển KTXH đi đôi với bảo vệ môi trường.

Chương 1 luận văn đã khái quát những lý luận cơ bản về pháp luật đánh giá tác động môi trường. Việc thực hiện các quy định của pháp luật về đánh giá tác động của môi trường trong thời gian qua đã thu được những thành quả đáng kể trong việc bảo vệ môi trường, nhưng bên cạnh đó vẫn còn nhiều bất cập trong quá trình thực hiện, đòi hỏi nhà nước cần phải có những quy định mang tính khoa học và khả thi nhằm giúp cho việc thực hiện được triệt để và hiệu quả hơn.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Thực trạng pháp luật về đánh giá tác động môi trường

2.1.1. Quy định chung về lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

2.1.1.1. Quy định về đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

Đối tượng phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường ĐTM quy định cụ thể tại phụ lục II nghị định 18/2015/NĐ- BTNMT, như sau:

Dự án có thứ tự từ mục 1 đến mục 111 Phụ lục II Nghị định số 18/2014/NĐ-CP. Gồm : 111 nhóm dự án thuộc 19 lĩnh vực như : Xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Giao thông; Năng lượng, phóng xạ; Điện tử, viễn thông; Thủy lợi; Dầu khí; Xử lý chất thải; Chế biến thực phẩm; Sản xuất phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật; Hóa chất, dược phẩm, mỹ phẩm; Dệt nhuộm và may mặc...

Dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động đã được phê duyệt kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc phê duyệt, xác nhận đề án bảo vệ môi trường tới mức tương đương với các đối tượng từ mục 1 đến mục 110 Phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP.

Dự án có tên gọi khác nhưng có tính chất, quy mô tương đương các dự án có thứ tự từ mục 1 đến mục 110 Phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP.

2.1.1.2. Quy định về nội dung lập báo cáo

Căn cứ theo khoản 1 Điều 32 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định về nội dung chính của báo cáo đánh giá tác động môi trường bao gồm:

a) Xuất xứ của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư; căn cứ pháp lý, kỹ thuật; phương pháp đánh giá tác động môi trường và phương pháp khác được sử dụng (nếu có);

b) Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch Thành phố, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường;

d) Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, đa dạng sinh học; đánh giá hiện trạng môi trường; nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường nơi thực hiện dự án đầu tư; thuyết minh sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án đầu tư;

đ) Nhận dạng, đánh giá, dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư đến môi trường; quy mô, tính chất của chất thải; tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa và yếu tố nhạy cảm khác; tác động do giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có); nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường có thể xảy ra của dự án đầu tư;

e) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải;

g) Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác của dự án đầu tư đến môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có); phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có); phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;

h) Chương trình quản lý và giám sát môi trường;

i) Kết quả tham vấn;

k) Kết luận, kiến nghị và cam kết của chủ dự án đầu tư.

2.1.1.3. Quy định về tham vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

Thứ nhất, đối tượng tham vấn. Quá trình tham vấn để lập báo cáo đánh giá tác động môi trường được thực hiện đối với các đối tượng như cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi tác động môi trường do các hoạt động của dự án gây ra.

Thứ hai, nội dung tham vấn khác quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường bao gồm: phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với dự án khai thác khoáng sản hoặc chôn lấp chất thải, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học đối với dự án có phương án bồi hoàn đa dạng sinh học theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, hình thức tham vấn.

Thứ tư, trách nhiệm của chủ dự án đầu tư trong việc thực hiện tham vấn. Thực hiện các hình thức tham vấn theo quy định tại khoản 4 Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường và tham vấn ý kiến các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều

26 Luật bảo vệ môi trường 2020, trừ trường hợp quy định tại các điểm e, g và h khoản này;

2.1.2. Quy định về thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

2.1.2.1. Quy định về trình tự thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường

Bước 1. Nộp hồ sơ: Chủ dự án nộp hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đến Ủy ban nhân dân (UBND) cấp Thành phố hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định (gọi là cơ quan thẩm định).

Bước 2. Kiểm tra hồ sơ: Cơ quan thẩm định xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, cơ quan thẩm định phải có văn bản thông báo cho chủ dự án.

Bước 3. Thẩm định hồ sơ:

2.1.2.2. Quy định về thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Theo Điều 34, Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 quy định về thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường gồm:

Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường bao gồm: a) Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; b) Báo cáo đánh giá tác động môi trường; c) Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư.

Đối với dự án đầu tư xây dựng thuộc đối tượng phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của pháp luật về xây dựng, chủ dự án đầu tư được trình đồng thời hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường với hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi; thời điểm trình do chủ dự án đầu tư quyết định nhưng phải bảo đảm trước khi có kết luận thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi.

Thứ nhất, báo cáo ĐMC luôn được thẩm định bởi một hội đồng. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với các dự án do Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình và Ủy ban nhân dân cấp Thành phố tổ chức hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của mình và của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Thứ hai, báo cáo ĐTM có thể được thẩm định bởi một hội đồng thẩm định hoặc tổ chức dịch vụ thẩm định. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức hội đồng thẩm định hoặc tuyển chọn tổ chức dịch vụ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án do Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định, phê duyệt; dự án liên ngành, liên Thành phố; Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức hội đồng thẩm định hoặc tuyển chọn tổ chức dịch vụ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt của mình, trừ dự án liên ngành, liên Thành phố; Ủy ban nhân dân cấp Thành phố tổ chức hội đồng thẩm định hoặc tuyển

chọn tổ chức dịch vụ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án trên địa bàn quản lý thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt của mình và của Hội đồng nhân dân cùng cấp¹.

2.1.2.3. Quy định về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

Căn cứ Điều 36 Luật Bảo vệ môi trường 2020, quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường là một trong các căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện các việc sau đây: a) Cấp, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản; b) Phê duyệt kế hoạch thăm dò, kế hoạch phát triển mỏ đối với dự án đầu tư thăm dò, khai thác dầu khí; c) Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; d) Kết luận thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án đầu tư xây dựng; đ) Cấp giấy phép môi trường; e) Cấp giấy phép nhận chìm ở biển; quyết định giao khu vực biển; g) Quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này.

2.1.3. Quy định về xử lý vi phạm pháp luật về đánh giá tác động môi trường

Ngày 24/5/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 55/2021/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Theo đó, Nghị định số 55/2021/NĐ-CP sửa đổi một số mức phạt đối với hành vi vi phạm trong trường hợp trực tiếp nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

Cụ thể, phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không có kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu đáp ứng điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất hoặc để thử nghiệm làm nguyên liệu sản xuất theo quy định; lưu giữ phế liệu nhập khẩu tại khu vực không đáp ứng điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất hoặc để thử nghiệm làm nguyên liệu sản xuất theo quy định.

2.1.4. Đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường ở Việt Nam

2.1.4.1. Những kết quả đạt được

Các quy định về ĐTM có vị trí tương đối quan trọng trong hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường của Việt Nam và ngày càng được quan tâm hoàn thiện. Điều đó chứng tỏ sự nhìn nhận về vai trò của ĐTM như một công cụ quan trọng để thực hiện công tác quản lý đối với môi trường.

Trước hết, với việc phân hóa các cấp độ thực hiện ĐTM theo tính chất của dự án, Luật bảo vệ môi trường năm 2020 đảm bảo sự phân hóa về trách nhiệm cũng như thể hiện đúng tính chất, mức độ yêu cầu đối với các biện pháp bảo vệ môi trường căn cứ vào tính chất, mức độ tác động đến môi trường là cơ sở quan trọng để đảm bảo tính phù hợp cho các quy định về ĐTM. Các quy định về ĐTM cũng cho thấy chính sách mở rộng xã hội hóa, huy động sự tham gia của

¹ Điều 35 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

các tổ chức có chuyên môn vào công tác lập cũng như thẩm định báo cáo ĐTM. Ngoài các cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm về công tác thẩm định còn có thêm các tổ chức dịch vụ thẩm định báo cáo ĐTM. Việc kiểm soát sự tham gia của các tổ chức, cá nhân chuyên môn này được đảm bảo trên cơ sở xác định các điều kiện về chuyên môn, về năng lực, về đội ngũ và trên cơ sở xác định trách nhiệm cụ thể chính là chính sách hợp lý và cần thiết để đáp ứng nhu cầu thực tế đối với các hoạt động chuyên môn về môi trường trong quá trình lập và thẩm định báo cáo ĐTM hiện nay. Chính sách xã hội hóa này cũng phù hợp với sự trưởng thành về năng lực của tổ chức, cá nhân hoạt động chuyên môn về môi trường trong nước triển khai áp dụng các quy định về lập báo cáo ĐTM. Tuy nhiên, các quy định hiện hành mới tập trung vào quy định về điều kiện và năng lực của các tổ chức dịch vụ thẩm định báo cáo ĐTM, chưa chú ý đến các quy định đảm bảo năng lực của các tổ chức làm dịch vụ lập báo cáo ĐTM.

Luật BVMT năm 2020 mới được thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021, quy định có 3 nhóm dự án cần phải lập báo cáo đánh ĐTM: dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt chủ trương của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; dự án sử dụng đất của khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, khu di tích lịch sử - văn hóa, khu di sản thế giới, khu dự trữ sinh quyển, khu danh lam thắng cảnh được xếp hạng; dự án tác động xấu đến môi trường và xã hội. Chính phủ sẽ quy định chi tiết danh mục các dự án thuộc nhóm tác động xấu đến môi trường và xã hội. Quy định này có tính toàn diện hơn và không bỏ sót các dự án cần lập ĐTM, tuy nhiên cần có văn bản hướng dẫn cụ thể hơn nữa.

2.1.4.2. Những hạn chế

Thứ nhất, hạn chế của công tác ĐTM do nhận thức chưa đầy đủ về vai trò và ý nghĩa của công tác ĐTM nên trên thực tế, các quy định về ĐTM chưa thực sự phát huy đầy đủ vai trò và ý nghĩa của nó trong công tác bảo vệ môi trường.

Thứ hai, một số văn bản quy phạm pháp luật về đánh giá tác động môi trường trong hoạt động đầu tư không đồng bộ, chồng chéo và thiếu tính khả thi. ĐTM về bản chất là công cụ phân tích, dự báo các tác động môi trường của các đề xuất phát triển nhằm phục vụ cho quá trình ra quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Nói cách khác, mục tiêu của ĐTM là xem xét các tác động đối với môi trường trước khi quyết định có nên cho phép triển khai một dự án do nhà đầu tư đề xuất hay không, hoặc nếu cho phép thì cần điều chỉnh gì. Do đó, ĐTM cần phải thực hiện ngay từ giai đoạn đầu tiên hình thành ý tưởng về dự án. Tuy nhiên, thực tế áp dụng hiện nay ở Việt Nam cho thấy ĐTM chưa thực hiện tốt chức năng dự báo của nó.

Thứ ba, các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam phục vụ quá trình lập và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường còn chưa đầy đủ. Trong ĐTM, tiêu chuẩn môi trường và quy chuẩn môi trường là các căn cứ, chuẩn mực để so sánh, đánh giá và xác định mức độ của các tác động môi trường. Ở Việt Nam mới chỉ có tiêu chuẩn/quy chuẩn về chất lượng môi trường xung quanh và tiêu chuẩn môi trường chất thải. Khi đề cập các giải pháp ứng phó thích hợp đối với tác động môi trường gặp nhiều lúng túng vì thiếu các tiêu chuẩn xác định quy mô, mức độ của các tác động không phải do chất thải gây ra như vấn đề xói lở

bờ, sụt, lún đất, vành đai an toàn về môi trường, sự làm mất cân bằng sinh thái, mất đa dạng sinh học, bộ tiêu chí về đất trong nuôi trồng thủy sản vv.

Thứ tư, chưa có quy định kiểm soát chất lượng báo cáo đánh giá tác động môi trường. Qua các phân tích ở trên đã cho ta thấy các quy định về ĐTM có một vị trí rất quan trọng trong hệ thống pháp luật về BVMT của Việt Nam và ngày càng được quan tâm hoàn thiện. Tuy nhiên, các quy định hiện hành mới chỉ tập trung vào quy định về điều kiện và năng lực của các tổ chức dịch vụ thẩm định báo cáo ĐTM mà chưa chú ý đến các quy định đảm bảo năng lực của các tổ chức làm dịch vụ lập báo cáo ĐTM. Pháp luật hiện hành chưa có quy định nào về trách nhiệm của Hội đồng thẩm định và cũng không có quy định nào đưa ra tiêu chí để đánh giá chất lượng của báo cáo ĐTM.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường ở thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1. Tổng quan về tình hình kinh tế xã hội của thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh (vẫn thường được gọi bằng tên cũ là Sài Gòn) là thành phố lớn nhất ở Việt Nam về dân số và quy mô đô thị hóa. Đây còn là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa và giáo dục tại Việt Nam. Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố trực thuộc trung ương thuộc loại đô thị đặc biệt của Việt Nam cùng với thủ đô Hà Nội. Nằm trong vùng chuyển tiếp giữa Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ, thành phố này hiện có 16 quận, 1 thành phố và 5 huyện, tổng diện tích 2.061 kilômét vuông (796 dặm vuông Anh).^[6] Theo kết quả điều tra dân số chính thức vào thời điểm ngày 1 tháng 4 năm 2009 thì dân số thành phố là 7.162.864 người (chiếm 8,34% dân số Việt Nam), mật độ dân số trung bình 3.419 người/km². Đến năm 2019, dân số thành phố tăng lên 8.993.082 người và cũng là nơi có mật độ dân số cao nhất Việt Nam.^[7] Tuy nhiên, nếu tính những người cư trú không đăng ký hộ khẩu thì dân số thực tế của thành phố này năm 2018 là gần 14 triệu người.

Thành phố Hồ Chí Minh năm 2020 chiếm 21,3% tổng sản phẩm (GDP) và 29,38% tổng thu ngân sách của cả Việt Nam. Năm 2020, thành phố có GRDP theo giá hiện hành ước là 1.372 nghìn tỷ đồng, theo giá so sánh 2020 đạt 991.424 tỷ đồng (số liệu địa phương cung cấp, Tổng cục Thống kê sẽ công bố GRDP đánh giá lại), tăng 1,39% so với năm 2019, đóng góp trên 22% GDP và 27% tổng thu ngân sách cả nước. GRDP bình quân đầu người ước năm 2020 là 6.328 USD/người, xếp thứ 4 trong số các Thành phố thành cả nước, nhưng so với năm 2019 là giảm.^[11] Thu nhập bình quân đầu người năm 2019 sơ bộ là 6,758 triệu VN đồng /tháng, cao thứ hai cả nước. Nhờ điều kiện tự nhiên, Thành phố Hồ Chí Minh trở thành một đầu mối giao thông của Việt Nam và Đông Nam Á, bao gồm cả đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không. Vào năm 2007, thành phố đón khoảng 3 triệu khách du lịch quốc tế tức 70% lượng khách vào Việt Nam. Các lĩnh vực giáo dục, truyền thông, thể thao, giải trí, Thành phố Hồ Chí Minh đều giữ vị thế nhất định.

Thành phố Hồ Chí Minh là đầu tàu kinh tế và là một trong những trung tâm văn hóa, giáo dục quan trọng của cả nước. Trong năm 2021 thành phố Hồ Chí Minh đã đặt ra yêu cầu tốc độ tăng trưởng không những phải cao hơn năm 2020,

mà còn đòi hỏi cần có chuyển biến rõ nét về chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh.

Các dự án về đường bộ như đường D3 kết nối vào cảng Sài Gòn – Hiệp Phước. Đường nối từ đường Võ Văn Kiệt đến cao tốc TP HCM – Trung Lương. Đoạn nối từ đường Phạm Văn Đồng đến nút giao Gò Dưa...

Các dự án khác cũng sẽ được khởi công trong năm 2016 như: dự án cầu đường Bình Tiên, nút giao thông Nguyễn Văn Linh – Nguyễn Hữu Thọ. Tuyến nối từ nút giao An Lạc đến giáp ranh Thành phố Long An.

Với nhiều công trình trên nhiều ngành nghề thì việc tác động tới môi trường là điều cần phải nhắc tới. Chính vì vậy việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường tại TPHCM sẽ giúp các chủ đầu tư phân tích, dự báo các tác động của dự án đầu tư đến môi trường để đưa ra biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó.

2.2.2. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước và nguồn nhân lực bảo vệ môi trường khu công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về BVMT ở địa phương đã được kiện toàn từ cấp Thành phố đến cấp cơ sở.

Thứ hai, việc ban hành văn bản pháp luật theo thẩm quyền hướng dẫn thi hành pháp luật BVMT. Căn cứ Luật BVMT, nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác BVMT, các nghị định, chỉ thị của Chính phủ, thông tư của Bộ TN&MT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật BVMT.

Thứ ba, kiểm soát ô nhiễm môi trường các khu công nghiệp. Thành phố Hồ Chí Minh có 18 khu công nghiệp đã và đang đi vào hoạt động, đó đó trong mục này học viên chỉ đánh giá việc thực hiện công tác BVMT của các khu công nghiệp đang hoạt động, cụ thể về việc chấp hành pháp luật BVMT của các chủ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp: i) Việc lập hồ sơ BVMT trong giai đoạn đầu của dự án; ii) Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước thải và trạm XLNT tập trung của các khu công nghiệp đang hoạt động;

Thứ tư, công tác thanh tra, kiểm tra về BVMT đối với khu công nghiệp. Hàng năm, Sở TN&MT, Phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, BQL các khu công nghiệp, Thanh tra Bộ TN&MT đều tiến hành thanh tra, kiểm tra định kỳ theo kế hoạch, theo kiến nghị đơn thư hoặc đột xuất về lĩnh vực môi trường đối với các cơ sở trong các khu công nghiệp. Nhìn chung, thông qua công tác thanh tra, kiểm tra cho thấy tình hình chấp hành pháp luật về BVMT của các cơ sở đã có chuyển biến tích cực, tuy nhiên vẫn còn nhiều doanh nghiệp vi phạm pháp luật về BVMT, trong đó tập trung vào các nhóm hành vi: thực hiện không đúng các nội dung báo cáo ĐTM, CBM, KBM, ĐBM đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, xác nhận; quản lý CTNH chưa đúng quy định; thực hiện quan trắc, giám sát môi trường không đầy đủ thông số và tần suất; chưa thực hiện chế độ báo cáo công tác BVMT theo quy định; khu vực lưu giữ CTNH chưa đảm bảo; việc đầu tư hệ thống xử lý của một số cơ sở còn mang tính chất đối phó hoặc vận hành hệ thống xử lý không ổn định và thường xuyên...

Dự án xây dựng tuyến xe buýt nhanh trên hành lang Đại lộ Võ Văn Kiệt – Mai Chí Thọ (23,0 km) kéo dài từ vòng xoay An lạc đến giao lộ giữa Quốc lộ 1A & Đại lộ Võ Văn Kiệt dọc theo đường Võ Văn Kiệt – Mai Chí Thọ đến ngã 3 Cát Lái. Ngoài ra các hạng mục công trình hỗ trợ cũng được xây dựng trong hợp phần này, gồm có: hệ thống hạ tầng kỹ thuật vận hành hệ thống xe buýt nhanh BRT; hệ thống hạ tầng hỗ trợ như khu hậu cần kỹ thuật, trạm đầu cuối, trạm dừng, đầu tư hệ thống xe buýt sử dụng khí nén thiên nhiên (CNG), đầu tư hệ thống giao thông thông minh (ITS), đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông bổ sung như cầu đi bộ, bãi gửi xe ...; nghiên cứu tích hợp hệ thống xe buýt hiện hữu với tuyến xe buýt nhanh BRT.

2.2.3. Những khó khăn, hạn chế

Thứ nhất, về nguồn lực trong công tác bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức bộ máy quản lý BVMT trong khu công nghiệp còn thiếu và yếu, chưa có khả năng tổ chức, chưa đáp ứng nhu cầu BVMT trong khu công nghiệp, thêm vào đó số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn về lĩnh vực BVMT, đặc biệt ở cấp huyện, xã, BQL các khu công nghiệp và lực lượng cảnh sát môi trường còn rất mỏng, chưa phối kết hợp chặt chẽ với CQQL. Các đơn vị hạ tầng trong khu công nghiệp Linh Trung và Hiệp Phước đã đảm bảo nguồn nhân lực, tuy nhiên trình độ về quản lý, tổ chức BVMT đôi lúc còn hạn chế, sơ suất, bỏ ngỏ, còn chưa sát sao và chưa có sự phối kết hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng liên quan để giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách trong khu công nghiệp. Công tác quản lý BVMT trong khu công nghiệp còn chông chéo, chưa thống nhất do chưa có cơ chế phối hợp đồng quản lý giữa Sở TN&MT, BQL khu công nghiệp, đơn vị đầu tư xây dựng hạ tầng, lực lượng cảnh sát môi trường và các cơ quan liên quan khác.

Thứ hai, về hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường các khu công nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Thứ ba, về kiểm soát ô nhiễm môi trường trong giai đoạn khu công nghiệp đi vào hoạt động. Đối với công tác BVMT của Công ty KD Hạ tầng khu công nghiệp.

Thứ tư, công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo về môi trường. Thời gian qua, công tác thanh tra, kiểm tra về môi trường ở các khu công nghiệp đã được tăng cường nhưng tình trạng vi phạm pháp luật về BVMT các khu công nghiệp của các doanh nghiệp vẫn còn tồn tại và việc xử lý đối với các đơn vị là chưa triệt để, chủ yếu là xử phạt hành chính ở mức nhẹ nên có doanh nghiệp bị xử phạt nhưng vẫn tiếp tục vi phạm. Chức năng của công tác thanh tra, kiểm tra đột xuất chưa được quan tâm thường xuyên, nên việc phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật môi trường không được đúng lúc, đúng thời điểm, gây khó khăn trong việc xác minh.

Tiểu kết Chương 2

Việc ban hành các văn bản pháp luật đánh giá tác động môi trường tạo ra cơ sở pháp lý để các cơ quan này thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của mình, đảm bảo hoàn thành tốt công tác quản lý Nhà nước đối với môi trường. Pháp luật đánh giá tác động môi trường cũng phân chia nhiệm vụ giữa các cơ quan, tránh việc quản lý chồng chéo, đồng thời tạo ra sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ giữa các cơ quan, nâng cao hiệu quả của quản lý Nhà nước về môi trường.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, pháp luật về đánh giá tác động môi trường đã được triển khai một cách đồng bộ, đem lại những hiệu quả nhất định cho công tác bảo vệ môi trường tại địa phương.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường

Thực hiện Quyết định số 598/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp giai đoạn 2018 - 2020, xét đến năm 2025, trong đó giao Bộ Công Thương chủ trì xây dựng Kế hoạch bảo vệ môi trường ngành Công Thương giai đoạn 2018 - 2025. Ngày 08/9/2020, Bộ Công Thương đã trình Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 1375/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch bảo vệ môi trường (BVMT) ngành Công Thương giai đoạn 2020 - 2025. Theo đó, đến năm 2025, ngành Công Thương hướng đến mục tiêu cụ thể:

Hoàn thiện và ban hành các quy định pháp luật, hướng dẫn kỹ thuật về quản lý khí thải, chất thải rắn và nước thải theo hướng tái chế, tái sử dụng chất thải, sử dụng hiệu quả các loại tài nguyên và bảo vệ môi trường phù hợp với thực tiễn trong một số loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường(1) và một số hoạt động thương mại(2).

Đẩy mạnh sử dụng túi nilon thân thiện với môi trường tại các trung tâm thương mại, siêu thị phục vụ cho mục đích sinh hoạt, tiến tới thay thế túi nilon khó phân hủy. Xác định nguy cơ và đề xuất các chính sách bảo vệ môi trường đối với các dự án năng lượng (như điện từ rác thải, điện gió, điện mặt trời) và một số lĩnh vực khác theo kế hoạch tái cơ cấu ngành công nghiệp.

Nghị quyết Đại hội XIII xác định quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, thiên tai khắc nghiệt là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ nhằm phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Trên cơ sở tổng kết 35 năm công cuộc đổi mới đất nước, 30 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), Chiến lược phát triển kinh tế - xã

hội (2011-2020) đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025), Đại hội Đảng lần thứ XIII xác định mục tiêu, phương hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó, có các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp mang tính chiến lược về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu đều được thể hiện trong những mục riêng với nhiều nội dung mới; đặc biệt nhấn mạnh việc giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ bền vững môi trường, chủ động giám sát, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường...

Đại hội XIII đánh giá, những năm qua, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu được coi trọng, bước đầu đạt kết quả tích cực. Hệ thống chính sách, pháp luật về những vấn đề này đã tiếp tục được hoàn thiện và tập trung triển khai thực hiện hiệu quả. Tuy vậy, trước thực tiễn nhiều thách thức cũng còn nhiều bất cập. Ý thức, nhận thức về vai trò, trách nhiệm bảo vệ môi trường của các cấp, các ngành, cộng đồng và doanh nghiệp, người dân chưa được phát huy đầy đủ. Vẫn đề xảy ra một số sự cố môi trường gây hậu quả nghiêm trọng. Quản lý nhà nước trên một số mặt còn lỏng lẻo. Chất lượng môi trường một số nơi tiếp tục xuống cấp, thích ứng với biến đổi khí hậu còn bị động, lúng túng...

Nghị quyết Đại hội XIII quán triệt tầm nhìn và định hướng phát triển giai đoạn 2021-2030: “Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh; quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”.

Định hướng các chỉ tiêu chủ yếu nhiệm kỳ Đại hội XIII, chỉ tiêu về môi trường đến năm 2025 được Nghị quyết xác định là: 1) Tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị là 95-100%, của dân cư nông thôn là 93-95%; 2) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%; 3) Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn môi trường là 92%; 4) Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường quan trọng được xử lý đạt 100%; 5) Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42%². Trong quá trình thực hiện, quyết tâm phấn đấu đạt mục tiêu và chỉ tiêu cao nhất, đồng thời, chuẩn bị các phương án để chủ động thích ứng với những biến động của tình hình.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường

3.2.1. Ban hành quy định đảm bảo chất lượng của báo cáo đánh giá tác động môi trường

Báo cáo ĐTM đóng vai trò quan trọng trong công tác BVMT ở Việt Nam. Nhưng việc BVMT có hiệu quả hay không thì còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố,

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.2, tr.330-331; tr.328.

trong đó có chất lượng của báo cáo ĐTM có đảm bảo hay không. Nhưng hiện nay, trong hệ thống pháp luật Việt Nam chưa có quy định nào nhằm kiểm soát chất lượng của báo cáo ĐTM được lập. Chính vì vậy đã dẫn đến việc lập báo cáo ĐTM một cách tùy tiện, không đảm bảo chất lượng, có báo cáo sao chép của các dự án khác, có báo cáo lại quá sơ sài. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường Việt Nam trong những năm qua. Để hạn chế điều này chúng ta nên ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm đưa ra các tiêu chí đánh giá chất lượng của báo cáo ĐTM. Việc đưa ra các tiêu chí cụ thể về mặt nội dung đối với báo cáo ĐTM sẽ vừa đảm bảo tính minh bạch, vừa làm cơ sở cho các tổ chức, cá nhân lập, thẩm định báo cáo ĐTM. Hiện nay, chính vì không có thước đo chuẩn mực nào về chất lượng của báo cáo ĐTM nên khi thẩm định thường theo cảm tính và theo mức độ “quan trọng” của dự án đầu tư. Hy vọng rằng, trong thời gian tới cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường sẽ nghiên cứu ban hành văn bản này.

3.2.2. Quy định cơ chế đảm bảo sự tham gia của cộng đồng vào quá trình đánh giá tác động môi trường

Hiện nay, tại Điều 14 Nghị định số 29/2011/NĐ-CP đã quy định cụ thể hơn về lấy ý kiến của cộng đồng là lấy ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, khái niệm này vẫn chung chung, không quy định rõ đại diện cộng đồng dân cư là ai nên mặc dù quy định cụ thể hơn nhưng vẫn luẩn quẩn “*lấy ý kiến của cộng đồng dân cư*” là “*lấy ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư*” nhưng ai là đại diện của cộng đồng dân cư thì lại không có quy định. Điều này dễ dẫn tới việc áp dụng tùy tiện trong thực tiễn. Ở những nước phát triển như Đức trong Bộ luật ĐTM quy định cần phải tổ chức một phiên điều trần giữa cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và người dân. Tất cả mọi người dân trong vùng ảnh hưởng của dự án đều được tạo điều kiện để tham gia phiên điều trần này. Trong khi đó ở nước ta, mặc dù việc lấy ý kiến của cộng đồng dân cư được quy định ngay từ trong Luật BVMT năm 2005 nhưng đến nay quy định này vẫn chưa được cụ thể hóa. Vì thế các chủ đầu tư thường xem nhẹ việc này khi thực hiện việc lập báo cáo ĐTM.

Như vậy, chúng ta cần phải có cơ chế đảm bảo sự tham gia của cộng đồng địa phương vào quá trình lập, thẩm định và giám sát thực hiện các báo cáo ĐTM. Trong đó, quy định đối tượng cần phải lấy ý kiến, thời gian lấy ý kiến và đặc biệt cần phải có diễn đàn tạo điều kiện cho mọi người dân tham gia. Ngoài ra, cũng quy định chủ dự án phải cung cấp những thông tin xác thực để cộng đồng biết về dự án và tham gia ý kiến vào việc lập, thẩm định báo cáo ĐTM đối với dự án đầu tư.

3.2.3. Quy định rõ trách nhiệm đối với chủ thể tham gia vào việc lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

Hiện nay, báo cáo ĐTM được phê duyệt rất nhiều nhưng cũng có rất nhiều báo cáo ĐTM làm rất sơ sài nhưng vẫn được thông qua. Sở dĩ có tình trạng này là chúng ta chưa có văn bản nào quy định về trách nhiệm của cá nhân, tổ chức tham gia lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM. Vì vậy, để hạn chế tình trạng trên chúng ta nên làm rõ trách nhiệm của các chủ thể tham gia vào việc lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM đảm bảo trong trường hợp các dự án

được phê duyệt làm tổn hại đến môi trường xuất phát từ chất lượng của báo cáo ĐTM thì sẽ có chủ thể phải chịu trách nhiệm về hậu quả này. Cụ thể là trong trường hợp báo cáo ĐTM được lập với chất lượng không cao, không đánh giá đầy đủ các tác động môi trường cũng như thiếu những giải pháp cần thiết để đảm bảo hạn chế tác động tiêu cực của dự án đến môi trường mà vẫn được phê duyệt thì sẽ xác định trách nhiệm của người phê duyệt, người thẩm định và chủ dự án. Bên cạnh đó, cần quy định trách nhiệm cho Sở TN&MT giám sát việc thực hiện báo cáo ĐTM trong khi triển khai Dự án.

3.2.4. Cho phép doanh nghiệp được quyền lựa chọn tổ chức dịch vụ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Ở các nước trên thế giới như Trung Quốc, Đức, Mỹ... thường cho phép chủ đầu tư tự đứng ra thuê một tổ chức dịch vụ thẩm định làm công tác thẩm định báo cáo ĐTM và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định. Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường chỉ thực hiện nhiệm vụ thẩm tra kết quả thẩm định.

Như vậy, hoạt động của “Tổ chức dịch vụ thẩm định báo cáo ĐTM” hoàn toàn phụ thuộc vào việc “quyết định tuyển chọn” của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định báo cáo ĐTM. Quy định này không chỉ cản trở quyền tự quyết của chủ dự án có nghĩa vụ đánh giá ĐTM mà còn cản trở quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp. Thêm vào đó, văn bản này cũng nêu trình tự thẩm định báo cáo ĐTM bằng hình thức Tổ chức dịch vụ thẩm định phức tạp. Mọi giao dịch về giấy tờ, thủ tục... giữa chủ dự án và Tổ chức dịch vụ thẩm định đều phải thông qua cơ quan có thẩm quyền thẩm định.

Để vừa đảm bảo quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp, vừa tránh sự nhúng nhệ của cơ quan nhà nước, chúng ta nên nghiên cứu sửa đổi các quy định này theo hướng xã hội hoá hoạt động thẩm định giống như một số nước tiên tiến trên thế giới, cụ thể như sau:

Một là, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường đưa ra các quy định về điều kiện, năng lực của tổ chức dịch vụ thẩm định báo cáo ĐTM. Tuy nhiên, cần căn cứ vào tình hình thực tế để đưa ra mức phí thẩm định phù hợp.

Hai là, cho phép chủ dự án tự lựa chọn Tổ chức dịch vụ thẩm định báo cáo ĐTM và ký hợp đồng dịch vụ thẩm định với tổ chức này. Tổ chức dịch vụ này sẽ tiến hành thẩm định báo cáo ĐTM. Trong trường hợp chất lượng báo cáo bảo đảm thì đưa ra kết luận, trong trường hợp chưa bảo đảm thì yêu cầu chủ dự án bổ sung, sửa chữa và tiếp tục thẩm định lại sau khi chủ dự án đã sửa chữa, bổ sung. Sau khi thẩm định xong, báo cáo ĐTM và kết luận của Tổ chức dịch vụ thẩm định được nộp cho cơ quan có thẩm quyền thẩm định.

Ba là, sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ về báo cáo ĐTM, cơ quan quản lý nhà nước về ĐTM sẽ thẩm tra kết luận của Tổ chức dịch vụ thẩm định báo cáo ĐTM. Trong trường hợp kết luận của Tổ chức thẩm định đúng với thực tế thì sẽ tiến hành trình phê duyệt báo cáo ĐTM. Trong trường hợp kết luận của Tổ chức dịch vụ thẩm định không đúng, không phù hợp với thực tế thì sẽ trả lại hồ sơ và yêu cầu chủ dự án lập lại báo cáo ĐTM.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường

3.3.1. Nhóm giải pháp chung

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về môi trường trong toàn cán bộ công nhân viên, tăng cường vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong phản biện, giám sát, tham gia quản lý nhà nước về BVMT và nâng cao vai

trò của cộng đồng trong việc thực hiện đánh giá tác động môi trường. Vai trò của cộng đồng trong quá trình đánh giá tác động môi trường, từ khâu lập báo cáo, kiểm tra, giám sát sau khi dự án đi vào hoạt động đã và đang đi vào thực chất, góp phần đảm bảo quyền lợi người dân, gắn nghĩa vụ thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường của chủ đầu tư với việc giám sát của cộng đồng. Ngày nay, bảo vệ môi trường ngày càng được các cá nhân, cơ quan, tổ chức mà đặc biệt là Nhà nước quan tâm.

Thứ hai, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về môi trường; rà soát, khoanh vùng các đối tượng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, rủi ro xảy ra sự cố môi trường và có các biện pháp kiểm soát chặt chẽ hoạt động của hàng không sự cố môi trường bằng các biện pháp kỹ thuật – công nghệ phù hợp; xử lý dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; xây dựng năng lực ứng phó với sự cố môi trường, các vụ việc gây ô nhiễm môi trường.

Thứ ba, tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động sự nghiệp ĐTM của của bảo đảm yêu cầu trong giai đoạn mới, đặc biệt là có cơ chế phù hợp và tăng chi ngân sách cho các hoạt động quản lý nhà nước về BVMT, trong đó có công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; bảo đảm bố trí đủ nguồn vốn thực hiện Chương trình quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2020-2025.

Thứ tư, đổi mới, hoàn thiện các công cụ hỗ trợ quá trình phân tích, ra quyết định, quản lý, điều hành các vấn đề môi trường, các công cụ kỹ thuật hỗ trợ đánh giá tác động môi trường và đánh giá môi trường chiến lược, quy hoạch BVMT các cấp. Chân chính cơ chế lập, thẩm định, đánh giá các báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, các báo cáo đánh giá tác động môi trường. Kế thừa và phát triển các thành quả khoa học, công nghệ của thế giới về vấn đề môi trường, các công cụ hỗ trợ quá trình đánh giá và dự báo các tác động tiềm tàng của các hoạt động kinh tế đối với môi trường, để từ đó có những khuyến nghị và hành động phù hợp.

Thứ năm, xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình giám sát chuyên đề về BVMT đối với các dự án đầu tư, công trình lớn có nguy cơ tiềm ẩn gây ô nhiễm môi trường cao do Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư; đồng thời, chỉ đạo thực hiện Chương trình giám sát chuyên đề về BVMT đối với các dự án đầu tư, công trình có nguy cơ tiềm ẩn gây ô nhiễm môi trường cao thuộc thẩm quyền quản lý của cảng.

3.3.2. Nhóm giải pháp cho Thành phố Hồ Chí Minh

Thứ nhất, Cần nghiên cứu hoàn thiện các quy định đảm bảo chất lượng của báo cáo ĐTM được lập, trong đó có việc đưa ra các tiêu chí đánh giá chất lượng của báo cáo ĐTM. Việc đưa ra các tiêu chí cụ thể về mặt nội dung đối với báo cáo ĐTM vừa đảm bảo tính minh bạch của các quy định về lập và thẩm định báo cáo ĐTM, vừa làm cơ sở cho các tổ chức, cá nhân lập báo cáo ĐTM, vừa là căn cứ cho việc thẩm định báo cáo.

Thứ hai, Cần có cơ chế để đảm bảo thực thi các nội dung của báo cáo ĐMC trên thực tế. Nội dung của báo cáo ĐMC phải được coi là một phần của các quy hoạch, chiến lược đã được phê duyệt và các báo cáo ĐTM thuộc các dự án nằm trong phạm vi của các quy hoạch, chiến lược phải đảm bảo sự phù hợp với các báo cáo ĐMC đã được lập cho các quy hoạch, chiến lược đó.

Thứ ba, Cần cụ thể hoá các quy định về điều kiện chuyên môn, cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với các tổ chức cung ứng dịch vụ lập báo cáo ĐTM nhằm đảm bảo năng lực cung cấp dịch vụ của các tổ chức này, góp phần chuyên môn

hoá cộng tác lập báo cáo ĐTM và đảm bảo chất lượng của công tác ĐTM trên thực tế.

Thứ tư, Cần có cơ chế đảm bảo sự tham gia của cộng đồng địa phương vào quá trình lập, thẩm định và giám sát thực hiện các báo cáo ĐTM và ĐMC thông qua việc nâng cao năng lực của cộng đồng về các vấn đề môi trường và yêu cầu đối với báo cáo ĐTM và ĐMC.

Thứ năm, Cần làm rõ trách nhiệm môi trường của các chủ thể tham gia vào việc lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM đảm bảo trong trường hợp các dự án được phê duyệt làm tổn hại đến môi trường xuất phát từ chất lượng của báo cáo ĐTM thì sẽ có chủ thể phải chịu trách nhiệm về hậu quả này

Thứ sáu Cần có những chế tài nghiêm khắc hơn đối với các vi phạm nghĩa vụ từ việc lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện báo cáo ĐTM để đảm bảo tính răn đe đối với hành vi vi phạm, bổ sung chế tài đình chỉ dự án và yêu cầu khôi phục hiện trạng để tránh tình trạng có những chủ thể cố tình không lập báo cáo ĐTM nhưng vẫn triển khai dự án gây ra những hậu quả môi trường không thể khắc phục được.

Tiểu kết Chương 3

Đảng ta nhiều lần khẳng định, bảo vệ môi trường là nhiệm vụ vừa phức tạp, vừa cấp bách, có tính đa ngành và liên vùng rất cao, vì vậy, cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, nhân dân. Do vậy, cần tiếp tục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các chủ thể trong công tác bảo vệ môi trường, cụ thể là các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, doanh nghiệp và người dân về tầm quan trọng của môi trường sinh thái, xây dựng ý thức bảo vệ môi trường, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường theo chủ trương của Đảng. Các cấp ủy đảng, chính quyền cần có chiến lược, kế hoạch hành động cụ thể để khắc phục khó khăn, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường trong bối cảnh mới. Coi trọng đổi mới công nghệ theo quan điểm của Đảng, phát triển khoa học công nghệ gắn liền với bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái, bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Đồng thời, về mặt quản lý nhà nước cần nhanh chóng hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách đưa Nghị quyết đi vào cuộc sống; khắc phục những bất cập, chồng chéo trong hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường.

Chương 3 luận văn đã phân tích định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường. Bên cạnh đó, luận văn cũng đã đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường, hướng giải quyết tạo ra sự công bằng nhất định giữa chủ thể xâm hại và bị xâm hại hay chủ thể được hưởng lợi và chủ thể bị tổn thất. Để khắc phục được hạn chế này trong phạm vi Chương 3, luận văn cũng đã đưa ra một số kiến nghị. Tuy nhiên, với chừng đó kiến nghị là không đủ để hoàn thiện cả hệ thống pháp luật về ĐTM mà chỉ phần nào gợi mở cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nghiên cứu và rà soát nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về ĐTM ở Việt Nam và thực tiễn tại thành phố Hồ Chí Minh.

KẾT LUẬN

Thực hiện nghiên cứu đề tài “*Pháp luật về đánh giá tác động môi trường, qua thực tiễn tại Thành phố Hồ Chí Minh*” trong bối cảnh xây dựng, phát triển và hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cho phép rút ra những kết luận sau đây:

Môi trường là một vấn đề có tính thách thức toàn cầu. Văn kiện Đại hội XIII dự báo, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, ô nhiễm môi trường... tiếp tục diễn biến phức tạp, cùng với các thách thức truyền thống và phi truyền thống khác sẽ còn tác động mạnh đến sự phát triển của nước ta trong những năm tới. Những thập niên qua, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu toàn cầu đã tác động mạnh mẽ, gây ra nhiều ảnh hưởng, thiệt hại đối với sự phát triển của mọi quốc gia. Liên hợp quốc đã có nhiều chương trình toàn cầu về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Nước ta nằm ở vị trí chịu tác động nghiêm trọng của các yếu tố biến đổi môi trường, biến đổi khí hậu. Vấn đề ô nhiễm môi trường vốn đã chịu sức ép từ lịch sử chiến tranh, lại phải đối mặt với các vấn đề nảy sinh từ quy mô dân số gần 100 triệu dân, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, các thách thức phi truyền thống đến từ biến đổi khí hậu, dịch COVID-19 khiến vấn đề bảo vệ môi trường ngày càng trở nên khẩn thiết và gay gắt hơn.

Để khắc phục những tồn tại, yếu kém và nâng cao hơn nữa những tồn tại, yếu kém và nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác đánh giá tác động môi trường thì cần phải rà soát, đánh giá kết quả thực hiện việc tác động, tăng cường công tác đào tạo, truyền thông, nâng cao nhận thức về đánh giá tác động môi trường cho các cơ quan hoạch định chính sách, doanh nghiệp và cộng đồng. Cần phải tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác đánh giá tác động để kịp thời chấn chỉnh sai phạm, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong các công tác này. Đẩy mạnh việc xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường, xây dựng và duy trì vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu về công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, và sau thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường để có thể theo dõi, quản lý một cách hệ thống công tác này

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Từ điển Bách khoa toàn thư (2015). Nhà xuất bản Sự thật, tr.11, Hà Nội.
2. Law on Environmental Protection. (2014). *Vietnam: Environmental Impact Assessment (EIA) laws*.
3. Retrieved from: <https://www.elaw.org/vietnam-environmental-impact-assessment-eia-laws>.
4. Vũ Cao Đàm (Chủ biên - 2009). *Nghiên cứu xã hội về môi trường, tài liệu chuyên khảo kết quả điều tra các vấn đề xã hội về môi trường*. Nxb Khoa học và Kỹ thuật, tr.259. Hà Nội.
5. Doãn Hồng Nhung (Chủ biên - 2016). *Pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp ở Việt Nam*. Nxb Xây dựng, tr.23. Hà Nội.
6. Nguyễn Thị Bình, Trách nhiệm bảo vệ môi trường khu công nghiệp của Ban quản lý khu công nghiệp, tại trang
7. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ (2015), Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 03/9/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, Hà Nội.
8. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2009), Thông tư số 08/2009/TT-BTNMT về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, Hà Nội.
9. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2015), Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, Hà Nội.
10. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2015), Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, Hà Nội.
11. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2015), Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2015 về quản lý chất thải nguy hại, Hà Nội.
12. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2015), Báo cáo công tác quản lý nhà nước về môi trường 6 tháng đầu năm 2015 và trọng tâm 6 tháng cuối năm 2015 và tình hình triển khai Luật bảo vệ môi trường năm 2014, Hà Nội.
13. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016), Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2011-2015, Hà Nội.
14. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2017), Báo cáo hiện trạng môi trường 2016: Môi trường đô thị, Hà Nội.
15. Bộ Xây dựng (2016), Thông tư số 01/2016/TT-BXD về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật, Hà Nội.
16. Chính phủ (2015), Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường

chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, Hà Nội.

17. Chính phủ (2015), Nghị định 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Hà Nội.

18. Chính phủ (2015), Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 về quản lý chất thải và phế liệu, Hà Nội.

19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

20. Góp phần nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với khu công nghiệp, khu kinh tế, tại trang <http://khucongnghiep.com.vn/nghiencuu/tabid/69/articleType/ArticleView/articleId/1946/Default.aspx>, truy cập ngày 13/12/2021.

21. Ngọc Long, Hệ lụy từ phát triển các khu, cụm công nghiệp ở Phú Thọ, <http://www.nhandan.com.vn/bandoc/item/24973802-he-luy-tu-phattrien-cac-khu-cum-cong-nghiep-o-phu-tho.html>, truy cập ngày 11/12/2021.

22. Đặng Ngọc Minh (2015), Tác động tiêu cực của việc phát triển các khu công nghiệp đến môi trường ở Việt Nam, *Tạp chí Công Thương*, (số 8).

23. Quốc hội (2013), Hiến pháp 2013, Hà Nội.

24. Mai Thế Toán (2015), Đánh giá môi trường chiến lược, Đánh giá tác động môi trường ở Việt Nam, Kỷ yếu Hội nghị môi trường toàn quốc lần thứ IV, Bộ tài nguyên và Môi trường, Hà Nội.

25. Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), Giáo trình Luật môi trường, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

26. Viện Đại học mở Hà Nội (2013), Giáo trình luật Môi trường, Nxb Tư pháp, Hà Nội.